TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thuật và ông Trần Xuân Thanh.

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền -Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1993; HKTT: Thôn H, xã B, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Hữu N, sinh năm 1992; HKTT và cư trú: Thôn H, xã B, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Tạ Thị H trình bày:

Chị H kết hôn với anh Đỗ Hữu N tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, chị về chung sống với anh N ngay. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cộng thêm tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra xô sát. Kể từ tháng 12/2019, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã T, huyện P, TP Hà Nội và sống ly thân với anh N. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014 và Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, trường hợp chỉ được nuôi 01 con chung thì chị đề nghị để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y còn chị xin được nuôi cháu Q vì cháu Q mới chỉ hơn 03 tuổi còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện tại chị H là nhân viên của Công ty đá quý E ở huyện D, tỉnh Hà Nam, thu nhập bình quân khoảng

5.000.000 đồng/tháng và được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ về mọi mặt cho chị H nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Hữu N trình bày như sau:

Anh N xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị H trình bày. Vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Vợ chồng ly thân kể từ tháng 12/2019 đến nay. Xác định mâu thuẫn đã vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm không còn, không thể quay về đoàn tụ, nay chị Hạnh có đơn ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị H để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H khai. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con, trường hợp chỉ được nuôi 01 con chung thì anh cũng nhất trí, con nào anh cũng đồng ý, tùy Tòa án quyết định. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện tại anh N làm ấp trứng lộn cùng gia đình, không có thu nhập riêng mà chi tiêu sinh hoạt cùng bố mẹ.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

UBND xã B nơi cư trú của đương sự có quan điểm:

Mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Cả hai bên đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn được ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh N chỉ còn là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh N là hợp tình hợp lý.

Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014 và Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016, hiện cả hai đang ở cùng anh N do anh N không cho chị H mang con theo. Trường hợp phải ly hôn, đề nghị Tòa án giao mỗi bên nuôi 01 con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu. Do cháu Q mới chỉ hơn 03 tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, nên ly hôn, việc Tòa án giao cháu Q cho chị H và giao cháu Y cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lẽ.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hữu Q sinh ngày 10/6/2016 và giao anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014; Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ chung không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã B, huyện P, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Tạ Thị H kết hôn với anh Đỗ Hữu N là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, thành phố Hà Nội (đăng ký ngày 22/11/2013). Sau khi cưới, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên va chạm, xô xát. Đến tháng 12/2019 chị H tự bỏ về nhà mẹ đẻ và ly thân anh N từ đó cho đến nay. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, cả hai đều xác định tình cảm không còn và đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Đỗ Hữu N ngay từ đầu đã chưa đầy mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do sự không hòa hợp về tính cách cộng thêm sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày khiến mâu thuẫn dần dân trở nên trầm trọng. Sau khi ly thân, từ cả hai phía đều không muốn hàn gắn đoàn tụ mà cùng có thái độ bỏ mặc khiến tình cảm đến nay không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được.. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận để giải phóng cho cả hai bên.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014 và Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016. Ly hôn, do cả hai bên đều có điều kiện và nguyện vọng được nuôi con nên giao mỗi người nuôi một con chung là hợp lý; do cháu Q còn quá nhỏ, mới chỉ hơn 03 tuổi, ở độ tuổi này vẫn cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; cháu Y đã 06 tuổi, tuy còn nhỏ nhưng cũng đã có những hiểu biết nhất định và có khả năng tự lập hơn trong sinh hoạt hàng ngày so với cháu Q. Do đó, HĐXX xem xét giao cháu Q cho chị H, giao cháu Y cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo*:*

Chị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; Chị H, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Đỗ Hữu N.

2. Về con chung: Giao chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hữu Q, sinh ngày 10/6/2016; giao anh Đỗ Hữu N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Bảo Y, sinh ngày 01/9/2014; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị H, anh N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005694 ngày 21/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Tạ Thị H và anh Đỗ Hữu N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội*
- *VKSND huyện Phú Xuyên*
- *Chi cục THA huyện Phú Xuyên*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phùng Văn Phong